

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **107/2018/KDTM-PT**
Ngày: 28/8/2018
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Nga

Các Thẩm phán : Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy
: Bà Ngô Tuyết Băng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân TP Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:

Ông Trần Văn Lùng – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

(Vắng mặt)

Ngày 28/7/2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân TP Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2018/TLPT ngày 12 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng tín dụng do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2017/KDTM-ST ngày 02/6/2017 của Tòa án nhân dân quận TX , TP Hà nội bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 322 ngày 09/8/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP AC

Trụ sở: Số 442 NT, phường 5, quận 3, TP Hồ Chí Minh

Đại diện hợp pháp:

Bà Bùi Thị Thùy G – Nhân viên xử lý nợ.

Địa chỉ: Số 10 PCT, Q. HK, Hà Nội.

(Theo văn bản ủy quyền số 235 ngày 25/5/2018)

(Có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Phương T – Sinh năm 1982

Trú tại: Số 62 phố CL , phường TĐ , Q. TX , Hà Nội

(Có mặt tại phiên tòa)

2. Ông Nguyễn Văn T – Sinh năm 1978

HKTT: Số 62 phố CL , phường TĐ , Q. TX , Hà Nội

Hiện đang thi hành án tại trại giam NK , tỉnh Ninh Bình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Cháu Nguyễn Hà P – Sinh năm 2011

2. Cháu Nguyễn Hoàng Vi A – Sinh năm 2014

Cùng trú tại: Số 62 phố CL, P. TĐ, Q. TX, Hà Nội

(Con của bà Nguyễn Phương T và ông Nguyễn Văn T do bà Nguyễn Phương T đại diện)

(Bà T có mặt, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các bản khai tại Tòa án, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP AC do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngân hàng TMCP AC (Sau đây gọi tắt là ACB) cho Bà Nguyễn Phương T, ông Nguyễn Văn T vay theo các hợp đồng tín dụng sau:

1. Theo hợp đồng tín dụng ngày 14/5/2013 ACB cho ông T, Bà T vay 6.000.000.000 đồng, thời hạn 06 tháng. Thực tế giải ngân: 3.000.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ ngày 14/5/2014. Lãi suất trong hạn 9%/năm. Lãi suất vay cố định trong 03 tháng và điều chỉnh 03 tháng/lần. Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Đối với hợp đồng này, tính đến ngày 12/7/2014 bên vay mới chỉ trả được tiền lãi cho ACB là 44.250.000 đồng còn nợ gốc chưa thanh toán.

2. Theo Hợp đồng tín dụng ngày 20/5/2014 ACB cho ông T, Bà T vay 6.000.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng. Thực tế giải ngân 3.000.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ ngày 20/5/2014. Lãi suất trong hạn 9%/năm. Lãi suất vay cố định trong 03 tháng và điều chỉnh 03 tháng/lần. Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Tính đến ngày 22/7/2014, bên vay mới trả lãi 41.958.333 đồng cho ngân hàng, còn nợ gốc chưa thanh toán.

Do ông T, Bà T đã vi phạm nghĩa vụ nên ngày 07/8/2014 ACB đã có thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ khoản nợ và ngày 06/9/2014 ACB đã chuyển toàn bộ số nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến 02/6/2017, tổng số tiền bên vay phải thanh toán cho ACB theo hai hợp đồng tín dụng trên số tiền là 8.500.900.001 đồng, trong đó nợ gốc: 6.000.000.000 đồng, lãi trong hạn: 88.400.0001 đồng, lãi quá hạn 2.412.500.000 đồng.

Về tài sản bảo đảm: Theo hợp đồng thế chấp số công chứng 2328.2012/HĐTC quyền số 02 TP/CC-SCC ngày 15/5/2012 giữa Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Phương T với ACB tại Phòng công chứng số 3 TP Hà Nội thể hiện: tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 54, tờ bản đồ số 6E-IV-36, số 62 phố CL, P. TĐ, Q. TX, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10111090059, hồ sơ gốc số 4097.200.QĐUB/1337.2000 do UBND TP Hà Nội cấp ngày 16/08/2000, đăng ký

sang tên ông Nguyễn Văn T , bà Nguyễn Phương T tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội ngày 20/8/2009.

Trường hợp ông T , Bà T không thanh toán khoản nợ nêu trên, ACB đề nghị Tòa án tuyên bố ACB có quyền đề nghị phát mại tài sản nêu trên của ông T , Bà T để thu hồi nợ.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Phương T thống nhất trình bày: Ông, bà xác nhận việc ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp như ACB trình bày là đúng. Tuy nhiên, do công việc làm ăn của ông, bà không thuận lợi, ông T lại bị tạm giam và sau này là chấp hành án đối với một vụ án hình sự khác nên bà không còn khả năng thanh toán. Về ngôi nhà số 62 phố CL , H. TX , Hà Nội hiện nay do ba mẹ con bà sử dụng và quản lý. Cả bà và ông T cũng đều muốn bán ngôi nhà này để trả nợ cho ngân hàng và ổn định cuộc sống mới nhưng đến nay vẫn chưa bán được. Ông, bà mong muốn ngân hàng tạo điều kiện về thời gian để ông, bà bán nhà trả nợ cho ngân hàng. Hiện nay, do ông T đang chấp hành án tại trại giam NK , tỉnh Ninh Bình nên ông T đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt ông. Ngoài ra ông, bà không còn ý kiến gì khác.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2017/KDTM-ST ngày 02/6/2017 của Tòa án nhân dân quận LB đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP AC. Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Phương T thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền là 8.500.900.001 đồng. Nếu ông T , Bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại tài sản thế chấp là nhà đất tại địa chỉ số 62 phố CL , Q. TX , Hà Nội.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 07/9/2017 Bà T làm đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn có ý kiến: Về ý kiến của ông T , Bà T , ngân hàng đã nhiều lần thỏa thuận với ông, bà. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, các bên đã tiến hành hòa giải. Ngân hàng vẫn luôn tạo điều kiện cho ông, bà. Tuy nhiên, để đảm bảo thu hồi khoản nợ do đã lâu, ngân hàng vẫn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là bà Nguyễn Phương T có ý kiến: Bà cũng mong muốn bán được nhà để trả nợ cho ngân hàng, tuy nhiên, việc bán nhà có khó khăn nên bà mong muốn ngân hàng cho bà thêm thời gian để bà có thời gian bán nhà trả nợ cho ngân hàng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở thẩm tra xem xét đầy đủ, toàn diện lời khai của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

{1} Về tố tụng:

Theo quy định tại điều 30, 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP AC là tranh chấp về kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận TX .

Ngày 02/6/2017, Tòa án nhân dân quận TX đã ban hành bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng. Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 07/9/2017, Bà T nộp đơn kháng cáo. Kháng cáo của bà thuộc trường hợp kháng cáo quá hạn.

Tại quyết định số 50/2018/QĐ-PT ngày 24/4/2018 của Tòa án nhân dân TP Hà Nội đã chấp nhận kháng cáo quá hạn của bà Nguyễn Phương T . Tòa án nhân dân TP Hà Nội tiếp tục giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật.

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành tổng đạt hợp lệ cho Bà T và tiến hành lấy lời khai và tổng đạt đối với ông T . Ông T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông T là đúng quy định tại khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội vắng mặt, Tòa án Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 điều 232 Bộ luật tố tụng dân sự.

{2} Về nội dung kháng cáo

Tại đơn kháng cáo Bà T nộp ngày 07/9/2017 tại Tòa án nhân dân quận TX thể hiện: Bà T kháng cáo toàn bộ bản án đề nghị hủy bản án sơ thẩm do vi phạm thủ tục tố tụng, xác định nợ gốc và lãi xuất là không đúng và không có căn cứ, hợp đồng thế chấp là không đúng quy định của pháp luật. Xét kháng cáo của Bà T , Hội đồng xét xử thấy:

- Về kháng cáo của Bà T cho rằng bản án sơ thẩm có vi phạm thủ tục tố tụng, cụ thể: không thông báo cho bà, không báo gọi bà và Bà T cũng không nhận được bất kỳ văn bản nào của Tòa án nên bà không biết để tham gia, về yêu cầu này, thấy: Tại biên bản do Ngân hàng xác minh với Công an phường TĐ ngày 30/5/2016, kết quả xác minh thể hiện “Hiện tại bà Nguyễn Phương T đang sinh sống tại địa chỉ 62 CL , TĐ , TX , Hà Nội”

Tại biên bản trao đổi ngày 23/01/2017 giữa Tòa án sơ thẩm và đại diện Công an phường TĐ (BL180A) thể hiện nội dung “Bà T không thường xuyên ở đây, chỉ khi nào có việc chị mới đến”. Dựa vào biên bản này, Tòa án cấp sơ thẩm đã không giao các văn bản tố tụng cho Bà T mà tiến hành niêm yết ngay. Theo quy định tại điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự, việc niêm yết công khai văn bản tố tụng được thực hiện trong trường hợp không thể cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp văn bản tố tụng theo quy định tại điều 177 và điều 178 của Bộ luật này. Tuy nhiên, các tài liệu do đại diện công an phường TĐ đều xác nhận Bà T hiện vẫn ở tại số 62 phố CL , phường TĐ . Quá trình tố tụng tại cấp phúc thẩm, Bà T cũng khai nhận bà vẫn thường xuyên sinh sống tại số 62 CL . Tòa án cấp phúc thẩm vẫn tổng đạt cho Bà T tại địa chỉ này.

Trường hợp Bà T vắng mặt tại nơi cư trú mà không rõ thời điểm trở về thì theo quy định tại khoản 5 điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án cần lập biên bản về việc không thực hiện được việc tổng đạt có xác nhận của đại diện tổ dân phố hoặc Công an xã, phường, thị trấn đồng thời thực hiện niêm yết văn bản theo quy định thì mới đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Suốt quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, Tòa án không lập biên bản về việc không tổng đạt được mà đã niêm yết các văn bản tố tụng là không đúng quy định. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm về thủ tục tố tụng về việc tổng đạt văn bản tố tụng cho Bà T.

- Về kháng cáo của Bà T cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền ông, bà còn nợ ngân hàng tính đến ngày 02/6/2017 là 8.500.900.001 đồng là không đúng vì theo thông báo của Ngân hàng thì ông, bà chỉ còn nợ ngân hàng 6.700.000.000 đồng, xét kháng cáo này, thấy:

Theo 02 hợp đồng tín dụng ngày 14/5/2013 và ngày 20/5/2014 giữa Ngân hàng và Ông T, Bà T thì ngân hàng đã giải ngân cho ông, bà số tiền là 6.000.000.000 đồng. Tại các bản khai, ông T, Bà T thừa nhận có ký các hợp đồng tín dụng như ngân hàng đã trình bày và xác nhận số nợ gốc của ông, bà là 6.000.000.000 đồng. Tại các hợp đồng tín dụng, các bên còn thỏa thuận về lãi suất và các điều khoản khác. Tuy nhiên, theo quy định của pháp luật thì khi nguyên đơn khởi kiện thì số tiền ông, bà phải thanh toán là đến thời điểm Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án. Như vậy, ngoài số tiền nợ gốc, số tiền lãi trên nợ gốc tính đến ngày xét xử sơ thẩm. Vì vậy, Tòa án sơ thẩm buộc ông, bà phải thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 8.500.900.001 đồng là có căn cứ nên kháng cáo của bà về vấn đề này không được chấp nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm, Bà T thừa nhận số tiền nợ gốc và lãi phát sinh là 8.500.900.001 đồng.

- Về kháng cáo của Bà T cho rằng hợp đồng thế chấp là không đúng quy định của pháp luật thấy:

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 54, tờ bản đồ số 6E-IV-36, số 62 phố CL, P. TĐ, Q. TX, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10111090059, hồ sơ gốc số 4097.200.QĐUB/1337.2000 do UBND TP Hà Nội cấp ngày 16/08/2000, đăng ký sang tên ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Phương T tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội ngày 20/8/2009. Bà T và ông T đều thừa nhận ký hợp đồng thế chấp ngày 20/5/2014, hợp đồng này đã được công chứng và đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận TX. Khi ký hợp đồng thế chấp, các bên đều tự nguyện, không bị ai ép buộc. Tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu và sử dụng hợp pháp của ông T, Bà T nên ông, bà có quyền thế chấp tài sản này. Mặt khác, quá trình giải quyết và xét xử ở cấp phúc thẩm, ông T và Bà T đều xác nhận có ký kết các hợp đồng thế chấp và thế chấp tài sản của gia đình để vay số tiền mà ngân hàng đã giải ngân và ông, bà đều hoàn toàn nhất trí bán nhà để trả khoản vay này cho ngân hàng. Như vậy, về ý chí của bên thế chấp là ông T, Bà T

và về hình thức hợp đồng đều đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật nên có giá trị thực hiện. Bà T cho rằng hợp đồng thế chấp không đúng nhưng không đưa ra được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu của mình nên yêu cầu kháng cáo của bà là không có căn cứ chấp nhận.

Xem xét toàn diện quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử thấy: Về tố tụng, như đã phân tích nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm thủ tục tố tụng trong việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho Bà T, tuy nhiên về nội dung vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và lãi như trên và trường hợp bị đơn không thanh toán được thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại tài sản thế chấp tại 62 CL, TX, Hà Nội là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Tòa án cấp phúc thẩm đã khắc phục về tố tụng, cụ thể là đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho Bà T và Bà T cũng đã có bản khai tại Tòa án, hơn nữa giữa ngân hàng và Bà T cũng đã có buổi làm việc, hòa giải với nhau để ngân hàng tạo điều kiện về mặt thời gian cho Bà T. Ngân hàng cũng nhất trí sẽ tạo điều kiện cho Bà T trả nợ cho đến giai đoạn thi hành án. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tuy có sai sót về mặt thủ tục tố tụng như đã nêu trên nhưng việc sai sót này không làm thay đổi bản chất, nội dung vụ việc nên không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm để giao Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo thẩm quyền. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm phải nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên Bà T phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Các điều: 305,343,355,471,474, từ điều 715 đến điều 721 Bộ luật dân sự 2005

Căn cứ: Điều 30, điều 37, khoản 3 điều 38, 184, khoản 1 điều 308, điều 313, khoản 1 điều 232 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Phương T và giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2017/KDTM-ST ngày 02/6/2017 của Tòa án nhân dân quận TX, TP Hà nội, cụ thể:

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP AC. Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Phương T phải trả cho Ngân hàng TMCP AC tổng số tiền là 8.500.900.001 đồng (Tám tỷ, năm trăm triệu, chín trăm nghìn lẻ một đồng) trong đó: Nợ gốc: 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng), lãi trong hạn: 88.400.001 đồng (Tám mươi tám triệu bốn trăm nghìn lẻ một đồng), lãi quá hạn: 2.412.500.000 đồng (Hai tỷ, bốn trăm mười hai triệu, năm trăm nghìn đồng).

2. Trường hợp ông Nguyễn Văn T , bà Nguyễn Phương T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP AC có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 54, tờ bản đồ số 6E-IV-36, số 62 phố CL , P. TĐ , Q. TX , Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10111090059, hồ sơ gốc số 4097.200.QĐUB/1337.2000 do UBND TP Hà Nội cấp ngày 16/08/2000, đăng ký sang tên ông Nguyễn Văn T , bà Nguyễn Phương T tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội ngày 20/8/2009. Giá trị tài sản bảo đảm không vượt quá 6.753.000.000 đồng với lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Những người đang ở hoặc đang sinh sống trên tài sản thế chấp phải di chuyển để đảm bảo thi hành án.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông T , Bà T phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án.

4. Về án phí: Án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Phương T phải chịu 116.500.900 đồng. Hoàn trả ngân hàng TMCP AC 57.400.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0007450 ngày 30/6/2015 tại Chi cục thi hành án dân sự quận TX , TP Hà Nội

Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Phương T phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm được trừ vào 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm Bà T đã nộp theo biên lai số 07871 ngày 27/9/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận TX , TP Hà Nội.

Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Nội
- TAND Q. TX ;
- Cơ quan THADS Q. TX ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP/.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Nga

